

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 46/2026/HS-ST
Ngày 19 tháng 06 năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Thảo

Bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Phong – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 04 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 06 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Hoài B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1981, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT: Số C Chung cư S, đường C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần H – SN: 1952 (đã chết) và bà Đinh Thị T – SN: 1953; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị T1 – SN: 1979, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2026 cho đến nay, tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đ (Bị cáo có mặt).

- Người bị hại:

Anh **Nguyễn Văn P** – SN: 1979

Địa chỉ: Số D đường H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Quốc K** – SN: 1962

Địa chỉ: Thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Anh **Trần Đình H1** – SN: 1987

Chị Lê Thị Hồng T2 – SN: 1989

Địa chỉ: Số B L, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

Người làm chứng:

Anh Võ Văn L – SN: 1986

Địa chỉ: Số H đường Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Anh Võ Văn H2 – SN: 1977

Địa chỉ: Số H đường Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Ông Trần Anh T3 – SN: 1964

Địa chỉ: Số D đường M, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ quen biết trước đó, vào ngày 27/7/2020, Trần Hoài B đã mượn xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, biển kiểm soát 79A-299.85 của anh Trần Đình H1, trú tại Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) trong thời gian một tuần. Sau khi mượn được xe, B đã nảy sinh ý định làm giả căn cước công dân mang tên anh Trần Đình H1 với mục đích cầm cố xe ô tô đã mượn để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 27/7/2020 B đã đặt làm giả căn cước công dân mang tên anh Trần Đình H1 trên mạng xã hội. Sau khi có được căn cước công dân giả, ngày 28/7/2020 B điều khiển xe ô tô mượn được đi một mình đến tiệm cầm đồ Nguyễn P tại số D, đường H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Tại đây, B gặp anh Nguyễn Văn P là chủ tiệm cầm đồ Nguyễn P, B đưa căn cước công dân giả mang tên Trần Đình H1, giấy tờ xe ô tô và giới thiệu mình tên là Trần Đình H1, sinh năm 1979, trú tại Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) là chủ xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85 rồi đặt vấn đề cần cầm cố chiếc xe ô tô này. Do tin tưởng thông tin mà B đưa ra, nên anh P đã đồng ý nhận cầm chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000 đồng. Thời điểm này do tiệm cầm đồ không có chỗ để xe ô tô nên anh P đã dẫn B điều khiển xe ô tô đi đến nhà cậu ruột mình là ông Lê Quốc K, trú tại thôn D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk) để gửi xe ô tô. Lúc đến, anh P nói với ông K cho để nhờ xe ô tô, còn B đưa chìa khoá xe ô tô cho ông K giữ. Việc cầm cố xe ô tô có lập giấy biên nhận thế chấp, Trần Hoài B đã ký và viết tên Trần Đình H1 dưới mục chủ hiện vật trong giấy biên nhận thế chấp, thời hạn cầm cố xe đến ngày 28/8/2020, B đã đưa giấy tờ gốc của xe ô tô và căn cước công dân làm giả mang tên anh Trần Đình H1 cho anh P giữ. Trong quá trình cầm cố xe ô tô, B gọi điện thoại cho anh P xin mượn lại căn cước công dân làm giả mang tên anh Trần Đình H1 thì anh P

đồng ý. Sau đó B nhờ anh Võ Văn L, trú tại số nhà H, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) là tài xế lái xe dịch vụ đến gặp anh P lấy căn cước công dân đưa cho B. Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng cầm cố chiếc xe ô tô nêu trên B đã tiêu xài số tiền này vào mục đích cá nhân hết. Đến thời hạn trả xe ô tô trên cho anh Trần Đình H1, B đã đưa ra nhiều lý do để kéo dài việc trả xe ô tô cho anh H1, đồng thời lợi dụng việc anh P không nói cho ông Lê Quốc K biết việc B đã cầm cố xe ô tô cho anh P nên mặc dù chưa thanh toán số tiền cầm cố xe ô tô cho anh P nhưng vào ngày 16/8/2020 B đã đến gặp ông K để lấy xe ô tô biển số 79A- 299.85 để trả lại xe ô tô cho anh Trần Đình H1, do giấy tờ xe ô tô anh P đang giữ nên khi trả xe B đã đưa ra thông tin giấy tờ xe hiện đã bị thất lạc chưa tìm thấy. Sau đó B đã bỏ trốn khỏi địa phương, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra quyết định truy nã, đến ngày 02/01/2026 Trần Hoài B ra đầu thú.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 06 ảnh màu trong đó có 05 ảnh thể hiện chân dung người cầm cố tài sản và ảnh xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô, số 1576017; 01 biên nhận thế chấp của dịch vụ cầm đồ Nguyễn P; Giấy biên nhận số 08, người thế chấp ghi tên Trần Đình H1; 01 Biên lai thu phí bảo hiểm tạm thời, Quyền 17832, số D, họ tên người yêu cầu bảo hiểm tạm thời Trần Đình H1, ngày lập 06/7/2020, do Tổng công ty cổ phần B1 lập; 01 ảnh màu thể hiện căn cước công dân số 056079005776, họ tên Trần Đình H1, sinh năm 1979; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới dành cho ngân hàng số HHD:0218164/H4A/15; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 0057098; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 056052, tên chủ xe Trần Đình H1, địa chỉ tổ dân phố M, N, N, K, biển kiểm soát 79A-299.85, cấp ngày 02/7/2020, do Công an tỉnh K cấp; 01 USB ADATA C008/8GB, trong đó lưu trữ 02 thư mục ảnh và video.

Kết luận giám định số 394/KL-KTHS ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ: Chữ viết mang tên Trần Đình H1 dưới mục "Chủ hiện vật" trên "Biên nhận thế chấp" số 08, đề ngày 28/7/2020, dịch vụ cầm đồ Nguyễn P, địa chỉ: D H, tổ dân phố H, E, Đắk Lắk, nhận của ông Trần Đình H1, địa chỉ: TDP M, N, N, Khánh Hòa, món hàng: Xe ô tô 79A-29985, giá trị thế chấp 200.000.000 đồng, ký hiệu A. So với chữ viết mang tên Trần Hoài B trên: Bản tự khai, Bản tường trình, đề ngày 02/01/2026, người tự khai, người tường trình mang tên Trần Hoài B, sinh năm 1981, nơi thường trú: 316F Chung cư S, đường C, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (ký hiệu M1). Bản tự khai, bản tường trình, đề ngày 03/02/2026, người tự khai, người tường trình mang tên Trần Hoài B, sinh năm 1981, nơi thường trú: 316F Chung cư S, đường C, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

Ngày 04/3/2026, Phòng K1 Công an tỉnh Đ có Công văn số 162/PC09 về việc trả lời nội dung giám định tài liệu theo Công văn số 1504/VPCQCSĐT(Đ3) ngày 27/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ như sau: Phòng K1 không thể xác định ảnh chụp căn cước công dân có các nội dung: Số E, mang tên Trần Đình H1, sinh ngày 19/04/1979, cấp ngày 05/12/2019 là thật hay giả.

Cáo trạng số: 07/CT-VKS-KV2 ngày 06 tháng 04 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk truy tố Trần Hoài B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa người bị hại anh Nguyễn Văn P trình bày: Ngày 28/7/2020 bị cáo điều khiển xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, biển kiểm soát 79A-299.85 đến tiệm cầm đồ của anh, bị cáo giới thiệu tên Trần Đình H1 và đưa giấy tờ gốc đều mang tên chủ xe Trần Đình H1 để cầm cố, do tin tưởng thông tin bị cáo đưa ra nên anh đã đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên với số tiền 200.000.000 đồng tuy chưa thanh toán số tiền cầm cố bị cáo đã đến lấy xe đi để chiếm đoạt số tiền của anh đến cùng. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết, về hình phạt anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, về dân sự anh yêu cầu bị cáo Trần Hoài B trả lại số tiền 200.000.000 đồng bị cáo đã nhận của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Hoài B như nội dung bản cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần Hoài B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoài B từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số: 21/QĐ-ĐTTH ngày 08/06/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ về việc trả lại: 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe ô tô, số 1576017 (bản gốc); 01 biên lai thu phí bảo hiểm tạm thời, Quyền 17832, số D, họ tên người yêu cầu bảo hiểm tạm thời Trần Đình H1, ngày lập 06/7/2020, do Tổng công ty cổ phần B1 lập (bản gốc); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới dành cho ngân hàng, số HĐ: 0218164/H4A/15 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 0057098 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 056052, tên chủ xe Trần Đình H1, địa chỉ tổ dân phố M, N, N, Khánh Hòa, biển

kiểm soát 79A-299.85, cấp ngày 02/7/2020, do Công an tỉnh K cấp cho anh Trần Đình H1.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Hoài B trả lại số tiền 200.000.000 đồng bị cáo đã nhận của anh Nguyễn Văn P để cầm cố xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, biển kiểm soát 79A-299.85.

Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp tranh luận gì thêm, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Xét việc vắng mặt của người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình H1, chị Lê Thị Hồng T2 tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung, hành vi: Tại phiên tòa bị cáo Trần Hoài B đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, vào ngày 27/7/2020, B đã mượn xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 79A-299.85 của anh Trần Đình H1 trong thời gian một tuần. Sau khi mượn được xe, B đã nảy sinh ý định làm giả căn cước công dân mang tên anh Trần Đình H1 với mục đích cầm cố xe ô tô đã mượn để lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 27/7/2020 B đã đặt làm giả căn cước công dân mang tên anh Trần Đình H1 trên mạng xã hội. Đến ngày 28/7/2020 sau khi có được căn cước công dân giả B đã đến gặp anh Nguyễn Văn P đưa ra căn cước công dân giả mang tên Trần Đình H1, đồng thời đưa ra thông tin gian dối là chủ xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85 làm anh P tin tưởng cho B cầm chiếc xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85 với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Trong quá trình cầm cố, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85 của anh P, B đã lấy xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85 đem về và trả lại cho anh Trần Đình H1.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk về tội danh truy tố, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

[4] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Hoài B đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nó không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo là người có đủ năng lực hành vi để nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm bất hợp pháp sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng xuất phát từ động cơ muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên bị cáo đã có hành vi làm giả căn cước công dân, đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P số tiền 200.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cũng thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Đối với người làm căn cước công dân giả mang tên Trần Đình H1, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xác định được nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi thuê người khác làm giả căn cước công dân mang tên anh Trần Đình H1 và để sử dụng cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 79A - 299.85, quá trình điều tra không thu được bản gốc căn cước công dân giả, căn cước giả Trần Hoài B đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đủ căn cứ để xử lý

đối với Trần Hoài B về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xử lý là phù hợp.

Đối với Trần Hoài B mượn xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 79A-299.85 của anh Trần Đình H1, sau đó B đã trả lại xe ô tô cho anh H1, không có mục đích chiếm đoạt xe ô tô nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi bị cáo đến nhà ông Lê Quốc K lấy xe để trả anh Trần Đình H1, ông K chỉ biết P và B gửi xe, không thu tiền giữ xe, không có trách nhiệm bồi thường khi xe mất mát, hư hỏng và không biết sự việc cầm cô xe giữa P và B, do đó hành vi của B đưa ra thông tin gian dối là để chiếm đoạt số tiền của anh P đến cùng không cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát không xử lý là phù hợp.

[8] Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe ô tô, số 1576017 (bản gốc); 01 biên lai thu phí bảo hiểm tạm thời, Quyền 17832, số D, họ tên người yêu cầu bảo hiểm tạm thời Trần Đình H1, ngày lập 06/7/2020, do Tổng công ty cổ phần B1 lập (bản gốc); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới dành cho ngân hàng, số HĐ: 0218164/H4A/15 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 0057098 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 056052, tên chủ xe Trần Đình H1, địa chỉ tổ dân phố M, N, N, Khánh Hòa, biển kiểm soát 79A-299.85, cấp ngày 02/7/2020, do Công an tỉnh K cấp cho anh Trần Đình H1 đây là giấy tờ hợp pháp của anh Trần Đình H1 bị cáo đã sử dụng trái ý muốn của anh H1 do đó cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H1 là phù hợp.

01 USB ADATA C008/8GB, trong đó lưu trữ 02 thư mục ảnh và video; 06 ảnh màu trong đó có 05 ảnh thể hiện chân dung người cầm cố tài sản và ảnh xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85; 01 biên nhận thể chấp của dịch vụ cầm đồ Nguyễn P; Giấy biên nhận số 08, người thế chấp ghi tên Trần Đình H1; 01 ảnh màu thể hiện căn cước công dân số 056079005776, họ tên Trần Đình H1, sinh năm 1979 được đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 200.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp với pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Hoài B phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Hoài B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoài B 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/01/2026.

Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số: 21/QĐ-ĐTTH ngày 08/06/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ về việc trả lại 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe ô tô, số 1576017 (bản gốc); 01 biên lai thu phí bảo hiểm tạm thời, Quyền 17832, số D, họ tên người yêu cầu bảo hiểm tạm thời Trần Đình H1, ngày lập 06/7/2020, do Tổng công ty cổ phần B1 lập (bản gốc); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới dành cho ngân hàng, số HĐ: 0218164/H4A/15 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 0057098 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 056052, tên chủ xe Trần Đình H1, địa chỉ tổ dân phố M, N, N, Khánh Hòa, biển kiểm soát 79A-299.85, cấp ngày 02/7/2020, do Công an tỉnh K cấp cho anh Trần Đình H1 cho ông Trần Đình H1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 USB ADATA C008/8GB, trong đó lưu trữ 02 thư mục ảnh và video; 06 ảnh màu trong đó có 05 ảnh thể hiện chân dung người cầm cố tài sản và ảnh xe ô tô biển kiểm soát 79A-299.85; 01 biên nhận thể chấp của dịch vụ cầm đồ Nguyễn P; giấy biên nhận số 08, người thể chấp ghi tên Trần Đình H1; 01 ảnh màu thể hiện căn cước công dân số 056079005776, họ tên Trần Đình H1, sinh năm 1979 được đánh số bút lục.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Hoài B phải trả lại số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu đồng*) cho anh Nguyễn Văn P.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất do chậm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Hoài B phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 (*Mười triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA khu vực 2 - Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính